TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Định và ông Lê Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị P, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn L - nay là thôn H, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để giao nộp tài liệu, chứng cứ; nhận văn bản tố tụng: Công ty L1. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mỹ L; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Tổ dân phố số A M, phường T, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Mạnh C, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L - nay là thôn H, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Phiên tòa vắng mặt: Chị P, anh C, bà L (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn - chị Lưu Thị P; lời khai của bị đơn - anh Đỗ Mạnh C; nội dung vụ án được xác định như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lưu Thị P và anh Đỗ Mạnh C tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam (nay là xã B, tỉnh Ninh

Bình) ngày 23/11/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh C tại thôn L, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam (nay là thôn H, xã B, tỉnh Ninh Bình).

Theo chị Lưu Thị P trình bày, trong quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về cách sống, sinh hoạt và quan điểm; hai bên không còn tiếng nói chung, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Anh Đỗ Mạnh C xác nhận, thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, từ năm 2018 chị P sang Nhật Bản lao động; đến đầu năm 2019, anh C cũng sang Nhật Bản làm việc nhưng hai người làm việc ở những địa điểm khác nhau. Do điều kiện sinh sống và làm việc xa cách, vợ chồng ngày càng ít liên lạc, tình cảm dần lạnh nhạt, thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi vã, ghen tuông và không còn tin tưởng lẫn nhau. Từ khi sang Nhật Bản lao động, anh C và chị P không còn chung về kinh tế, thu nhập và tài sản của mỗi người do người đó tự quản lý. Hai bên đã nhiều lần trao đổi, xác định không còn tình cảm và thống nhất sẽ ly hôn. Từ năm 2024 đến nay, anh C và chị P không liên lạc và không chung sống với nhau. Mặc dù hiện nay cả hai đều đã về Việt Nam nhưng chị P vẫn đi làm ăn xa, không trở về chung sống cùng anh C. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị P.

2. Về con chung: Chị P và anh C đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Hà P1, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2015, hiện đang do anh C nuôi dưỡng, chăm sóc.

Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị P và anh C đều thống nhất giao cháu Hà P1 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C.

Ngoài ra, chị P và anh C xác định vợ chồng không có con nuôi, không có con riêng; hiện chị P không mang thai và không nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến của con chung, cháu Hà P1 có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng anh C. Nguyện vọng của cháu được Tòa án ghi nhận để xem xét theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị P, anh C đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị P, anh C đều trình bày vì lý do công việc nên anh chị đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Chị Lưu Thị P và anh Đỗ Mạnh C đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Lưu Thị P và anh Đỗ Mạnh C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lưu Thị P và anh Đỗ Mạnh C. Về con chung, đề nghị giao cháu Đỗ Thị Hà P1, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2015 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Về án phí: Chị P và anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của chị Lưu Thị P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét chị Lưu Thị P và anh Đỗ Mạnh C đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị P và anh Đỗ Mạnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh C là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh C đều thống nhất xác định nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng sống xa nhau trong thời gian dài để lao động tại Nhật Bản, vợ chồng ít liên lạc, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, phát sinh bất đồng, cãi vã, ghen tuông và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Từ năm 2024, chị P và anh C đã không còn liên lạc, không còn chung sống với nhau và đã nhiều lần xác định sẽ ly hôn. Hiện nay, mặc dù cả hai đã về Việt Nam nhưng vợ chồng vẫn không về đoàn tụ. Cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và tự nguyện thống nhất ly hôn.

Xét thấy, sự tự nguyện ly hôn của các đương sự là thực tế, phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện tại và không có khả năng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị P và anh C theo quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị P và anh C có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Hà P1, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2015, hiện đang do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; cuộc sống của cháu được đảm bảo. Chị P và anh C đều tự nguyện thống nhất giao cháu Hà P1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với điều kiện thực tế và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu Hà P1, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu, nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Do chị P, anh C đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị P và anh C thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị P, anh C được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lưu Thị P và anh Đỗ Mạnh C.

2. Về con chung: Giao cho anh Đỗ Mạnh C được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Đỗ Thị Hà P1, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2015, cho đến khi cháu Hà P1 đủ 18 tuổi. Chị Lưu Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lưu Thị P, anh Đỗ Mạnh C mỗi người phải nộp 75.000 (*Bảy mươi lăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Lưu Thị P đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0000988 ngày 05 tháng 3 năm 2026, chị P được nhận lại số tiền 225.000 *(Hai trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị P, anh Đỗ Mạnh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Bình Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thành Nam